

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

V/v không công nhận
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu

2. Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2017 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXXST-DS ngày 14/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-DS ngày 31/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Năm 1991 bà và ông T chung sống như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, khoảng 3, 4 năm nay ông T không lo làm phụ

giúp gia đình, không yêu thương vợ con, ông T thường xuyên uống rượu, ăn chơi, quan hệ bất chính với phụ nữ khác, không tôn trọng vợ con, có hành vi dùng vũ lực đánh đập bà, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Nay bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T, bà R có 01 con chung tên Lương Gia L, sinh năm 1992, con chung đã thành niên, đã lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung gồm: 02 phần đất. Phần đất thứ nhất có diện tích 375m², thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 59. Phần đất thứ hai có diện tích 43,90m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 59, cùng tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố T (hai phần đất giáp ranh). Trên đất có xây một căn nhà cấp 4. Phần đất thứ nhất có diện tích 375m² có nguồn gốc do cha mẹ chồng bà R cho ông bà vào năm 2007. Phần đất thứ hai có diện tích 43,90m² có nguồn gốc do con riêng của bà R cho tiền ông bà mua đất và xây nhà. Nay bà R yêu cầu chia đôi tài sản, bà xin được lấy tài sản và giao tiền cho ông T.

Về nợ chung: Không có.

* Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Văn T trình bày:

Ông T xác nhận thời gian chung sống vợ chồng, việc ông bà không đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung như lời bà R trình bày là đúng. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, do hiểu nhầm, ông có lấy quạt máy chọi bà R, ông đã năn nỉ bà R nhưng bà R vẫn gởi đơn xin ly hôn. Nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu đập nhà hoặc ngăn đôi để chia đôi phần đất.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:**

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà R và ông T chung sống như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật nên không công nhận bà R và ông T là vợ chồng. Về con chung: có 01 con chung tên Lương Gia L, sinh năm 1992, con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Ông T, bà R xác định tài sản chung có 02 phần đất, một phần có nguồn gốc là của cha mẹ ông T cho, phần đất thứ hai của con bà R cho tiền để mua và xây nhà nên có cơ sở xác định là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi tài sản chung là phù hợp. Về nợ chung: Không có. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị R có khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà R và ông T là vợ chồng. Theo quy định tại khoản 7, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án bà R, ông T thống nhất trình bày ông, bà chung sống như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông bà chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật về hôn nhân gia đình nên Tòa án tuyên không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị R và ông Lương Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T, bà R có 01 con chung tên Lương Gia L, sinh năm 1992, con chung đã thành niên, đã lập gia đình riêng, ông bà không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T, bà R thống nhất có 02 phần đất: Phần đất thứ nhất có diện tích 375m², thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 59, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41, 27; hướng Tây giáp thửa 40; hướng Nam giáp thửa 55 và đường đất; hướng Bắc giáp thửa 26, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chứng nhận quyền sử dụng đất, viết tắt CNQSDĐ) do ông T, bà R đứng tên, được UBND thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh cấp vào ngày 11/9/2007. Phần đất thứ hai có diện tích 43,90m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 59, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41; hướng Tây giáp thửa 40 và đường đất; hướng Nam giáp thửa 55; hướng Bắc giáp thửa 82, giấy CNQSDĐ do ông T, bà R đứng tên, được UBND thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh cấp vào ngày 10/4/2014, đất cùng tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố T (hai phần đất giáp ranh) trên đất có xây một căn nhà cấp 4.

Phần có diện tích 375m² có nguồn gốc do cha mẹ ông T cho ông bà vào năm 2007 (phần đất phía sau không có đường đi). Năm 2007 con riêng của bà R có cho ông T, bà R số tiền 160.000.000 đồng để mua phần đất có diện tích 43,90m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 59 (phần đất phía trước) và xây nhà, ông T, bà R đều xác nhận là đúng (BL 37,38), nên chia đôi tài sản cho ông T, bà R.

Do căn nhà cấp 4 được xây giữa phần đất, căn nhà có giá trị lớn nên không thể đập nhà để chia đôi phần đất như yêu cầu của ông T mà chỉ giao cho một bên sử dụng. Do bà R có yêu cầu được nhận đất cùng các tài sản trên đất và giao tiền lại cho ông T. Mặt khác, căn nhà trên do con của bà R cho tiền để xây nên giao đất và các tài sản trên đất cho bà R, bà R có trách nhiệm giao ½ giá trị tài sản chung cho ông T là phù hợp quy định pháp luật.

Theo biên bản định giá ngày 25/4/2017, sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công

ty đo đạc bản đồ Bình An cung cấp thì phần đất thứ nhất có diện tích 375m², diện tích thực tế 347,4m², giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 27,6m². Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41, 27: dài 25,16m; 0,67m; 5,59m; 9,69m; hướng Tây giáp thửa 40: dài 41,28m; hướng Nam giáp thửa 96(tách từ thửa 55): dài 3,13m; 6,44m; hướng Bắc giáp thửa 26, dài: 2,16m; 5,99m; 1,31m. Phần đất thứ hai có diện tích 43,90m², diện tích thực tế 57,1m², tăng so với giấy chứng nhận là 13,2m². Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41, dài 4,66m; 4,60m; hướng Tây giáp thửa 40, đường giao thông: 3,31m; 4,74m; hướng Nam giáp thửa 55: dài 9,49m; hướng Bắc giáp thửa 82: dài 3,13m; 6,44m.

Hai phần đất trên có diện tích chiều ngang tiếp giáp đường giao thông là 8,05m x 40.000.000 đồng/m ngang = 322.000.000 đồng; căn nhà có diện tích 98,9m² x 1.431.000 đồng/m² = 141.525.900 đồng; diện tích mái che 59,7m² x 424.000 đồng/m² = 25.312.800 đồng; diện tích nhà vệ sinh 6,6m² x 954.000 đồng/m² = 6.296.400 đồng; diện tích nhà tạm (chuồng nuôi gia súc) 9,6m² x 170.000 đồng/m² = 1.632.000 đồng; diện tích sân nước, không mái 13,3m² x 106.000 đồng/m² = 1.409.000 đồng; hàng rào song sắt, cửa sắt, móng xây gạch diện tích 10,5m² x 673.000 đồng/m² = 7.066.500 đồng; trụ cổng, móng bê tông diện tích 0,96m³ x 4.505.000 đồng/m³ = 4.324.000 đồng; sân lát gạch diện tích 83,24m² x 106.000 đồng/m² = 8.823.000 đồng; hàng rào B40, trụ bê tông đúc sẵn, diện tích 121,752m² x 127.000 đồng/m² = 15.462.504 đồng.

Phần cây trái trên đất: 01 cây mai: 200.000 đồng; 01 bụi mía: 27.000 đồng; 01 bụi xả: 4.500 đồng; 01 cây cóc: 60.000 đồng; 01 cây mận: 80.000 đồng; 01 cây măng cầu 3 năm tuổi: 100.000 đồng; 01 cây dừa chưa có trái: 150.000 đồng; 01 cây dừa có trái: 500.000 đồng; 02 cây xoài x 400.000 đồng/cây = 800.000 đồng; 01 cây mít: 70.000 đồng; 01 cây chanh: 120.000 đồng; 01 cây bơ: 80.000 đồng; 01 bụi chuối: 20.000 đồng; 01 cây dâu: 240.000 đồng; 01 cây trâm: 60.000 đồng; 05 cây măng cầu từ 5 đến 8 năm tuổi: 240.000 đồng/cây x 5 cây = 1.200.000 đồng.

Tổng tài sản chung của ông T, bà R là: 537.564.000 đồng. Bà R có trách nhiệm giao ½ giá trị tài sản cho ông T là 268.782.000 đồng.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh: Không công nhận quan hệ giữa bà R và ông T là vợ chồng; về con chung: Đã thành niên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Giao tài sản chung của vợ chồng cho bà R, bà R có trách nhiệm giao ½ giá trị tài sản cho ông T theo kết quả định giá; về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, b khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà R chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và chịu 13.439.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự. Ông T chịu 13.439.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, 15, 81, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị R và ông Lương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông T, bà R có 01 con chung tên Lương Gia L, sinh năm 1992, con chung đã thành niên và đã lập gia đình, ông T, bà R không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Giao cho bà R quản lý, sử dụng:

- Phần đất có diện tích 347,4m², thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 59. Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41, 27: dài 25,16m; 0,67m; 5,59m; 9,69m; hướng Tây giáp thửa 40: dài 41,28m; hướng Nam giáp thửa 96 (tách từ thửa 55): dài 3,13m; 6,44m; hướng Bắc giáp thửa 26, dài: 2,16m; 5,99m; 1,31m và phần đất có diện tích 57,1m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 59. Có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 41, dài 4,66m; 4,60m; hướng Tây giáp thửa 40, đường giao thông: 3,31m; 4,74m; hướng Nam giáp thửa 55: dài 9,49m; hướng Bắc giáp thửa 82: dài 3,13m; 6,44m (Hai phần đất tiếp giáp nhau) cùng tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố T. Hai phần đất có giá 322.000.000 đồng.

- Tài sản trên đất gồm:

+ Một căn nhà cấp 4 có diện tích 98,9m² trị giá 141.525.000 đồng; mái che có diện tích 59,7m², trị giá 25.312.800 đồng; nhà vệ sinh có diện tích 6,6m², trị giá 6.296.400 đồng; nhà tạm (chuồng nuôi gia súc) có diện tích 9,6m², có trị giá 1.632.000 đồng; diện tích sân nước, có giá 1.409.000 đồng; Hàng rào song sắt, cửa sắt, móng xây gạch diện tích 10,5m², có giá 7.066.500 đồng; Trụ cổng, móng bê tông diện tích 0,96m³, có giá 4.324.000 đồng; Sân lát gạch diện tích 83,24m², có giá 8.823.000 đồng; hàng rào B40, trụ bê tông đúc sẵn, diện tích 121,752m², có giá 15.462.504 đồng.

+ Phần cây trái trên đất: 01 cây mai: 200.000 đồng; 01 bụi mía: 27.000 đồng; 01 bụi xả: 4.500 đồng; 01 cây cóc: 60.000 đồng; 01 cây mận: 80.000 đồng; 01 cây măng cầu 3 năm tuổi: 100.000 đồng; 01 cây dừa chưa có trái: 150.000 đồng; 01 cây dừa có trái: 500.000 đồng; 02 cây xoài x 400.000 đồng/cây = 800.000 đồng; 01 cây mít: 70.000 đồng; 01 cây chanh: 120.000 đồng; 01 cây bơ: 80.000 đồng; 01 bụi chuối: 20.000 đồng; 01 cây dâu: 240.000 đồng; 01 cây trâm: 60.000 đồng; 05 cây măng cầu từ 5 đến 8 năm tuổi: 240.000 đồng/cây x 5 cây = 1.200.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 537.564.000 đồng. Buộc ông T giao đất và các tài sản trên đất cho bà R. Bà R có trách nhiệm giao ½ trị giá đất và các tài sản trên đất cho ông T là 268.782.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà R chưa thi hành số tiền

nêu trên thì hàng tháng bà R còn phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị R chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và 13.439.000 (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà R đã nộp 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số số 0003724 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Bà R còn phải nộp thêm 10.439.000 (Mười triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Ông Lương Văn T chịu 13.439.000 (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt có quyền kháng bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Phòng GDKT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung